

CHƯƠNG I

**BỘ NỘI VỤ VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG,
CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG
(tháng 8-1945 đến tháng 12-1946)**

I- CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THẮNG LỢI
VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA BỘ NỘI VỤ

Dân tộc Việt Nam có lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm, dân tộc ta đã nhiều lần tổ chức những cuộc kháng chiến anh dũng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ thành công nền độc lập và tự do của Tổ quốc; đồng thời, với bàn tay lao động cần cù, với trí óc thông minh và trái tim nhân hoà đôn hậu, dân tộc ta đã chung đúc nên một nền văn minh - văn hiến Đại Việt rực rỡ mà từ thế kỷ XV, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã có thể tự hào nhận xét rằng:

*"Xét như nước Đại Việt ta,
Thực là một nước văn hiến"¹.*

Một trong những thành tựu văn minh - văn hiến của dân tộc ta trong kỷ nguyên Đại Việt đó chính là hệ thống chính quyền quân chủ được tổ chức theo mô hình chuyên chế, tập quyền phương Đông. Mặc dù có nhiều hạn chế, song hệ thống chính quyền đó đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện từ

Trung ương tới địa phương, đã quản lý và điều hành đất nước khá hiệu quả và góp phần không nhỏ vào công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Đến giữa thế kỷ XIX, hệ thống chính quyền quân chủ Việt Nam dưới triều Nguyễn dù đã phát triển tới mức hoàn bị nhất cũng tỏ ra lạc hậu trước xu hướng phát triển của lịch sử, ngày càng mất lòng dân nghiêm trọng và bất lực trong việc tổ chức kháng chiến, bảo vệ độc lập dân tộc. Từ năm 1884, nước ta hoàn toàn rơi vào tay thực dân Pháp. Trong gần 100 năm thống trị, thực dân Pháp đã thiết lập nên một hệ thống cai trị quan liêu khá hoàn bị làm công cụ bạo lực hữu hiệu để đàn áp và bóc lột nhân dân ta. Hệ thống chính quyền thực dân chính là sự lồng ghép giữa những yếu tố, những phần của hệ thống chính quyền tư sản Âu châu hiện đại với những tàn tích của hệ thống quân chủ bản xứ lỗi thời. Tuy vậy, bộ máy chính quyền thực dân cũng hàm chứa những yếu tố tiến bộ, nhất là trên các phương diện hành chính công, quản lý đô thị và đào tạo quan chức chuyên nghiệp.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân ta không ngừng đứng lên đấu tranh nhằm giải phóng dân tộc, khôi phục độc lập và chủ quyền quốc gia, mở ra con đường phát triển cho đất nước. Tuy vậy, cho tới trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, các cuộc đấu tranh của nhân dân ta, tuy rất kiên cường, anh dũng, nhưng trước sau cũng đều rơi vào thế bẽ tắc về đường lối và đều bị thất bại. Với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930, cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc ta bước sang giai đoạn mới, dù phải kinh qua nhiều thử thách ác liệt, nhưng cuối cùng đã đi tới thắng lợi vào mùa thu năm 1945 với cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà.

Ngày 1-9-1939 phátxít Đức nổ súng tấn công Ba Lan, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, đưa nhân loại vào thảm họa tàn khốc chưa từng có, đồng thời là nhân tố làm thay đổi căn bản diễn trình lịch sử thế giới nói chung và vận mệnh của dân tộc Việt Nam nói riêng. Ngày 10-6-1940 quân đức tấn công xâm lược Pháp và nhanh chóng đè bẹp sự kháng cự của quân đội Pháp. Ngày

1. Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, t.II, tr. 282.

22-6-1940 nước Pháp buộc phải ký Hiệp định đình chiến, đầu hàng phátxít Đức. Ở Đông Dương, thực dân Pháp hoang mang cực độ, tìm cách duy trì địa vị thống trị của chúng bằng cách tăng cường khủng bố phong trào yêu nước và cách mạng. Mặt khác, chúng từng bước đầu hàng phátxít Nhật, mở cửa cho quân Nhật vào chiếm đóng Đông Dương. Thế là từ tháng 9-1940 nước ta rơi vào cảnh "một cổ hai tròng". Toàn dân tộc rên siết dưới ách thống trị của hai kẻ thù ngoại bang là phátxít Nhật và thực dân Pháp.

Trước những biến chuyển mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, từ cuối năm 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương, lãnh tụ chính trị, bộ tham mưu chiến đấu của cách mạng Việt Nam, đã kịp thời nhận định tình hình và điều chỉnh sự chỉ đạo chiến lược, hướng toàn bộ cuộc vận động cách mạng vào mục tiêu giải phóng dân tộc. Vào thời gian đó lãnh tụ Nguyễn ái Quốc cũng đang trên đường từ Liên Xô về Trung Quốc, tìm cách bắt liên lạc với Trung ương Đảng ở trong nước. Đầu năm 1941 Người đã về tới Cao Bằng, chọn Pác Bó (thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng) làm nơi xây dựng căn cứ chỉ huy cách mạng Việt Nam. Tại Pác Bó, dưới sự chủ trì của Nguyễn ái Quốc, từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941 đã diễn ra Hội nghị Trung ương lần thứ tám của Đảng, hoàn thiện chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng Việt Nam cho phù hợp với tình hình và yêu cầu khách quan của lịch sử. Hội nghị xác định: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc"¹. Hội nghị cũng xác định lại nhiệm vụ chiến lược và tính chất của cách mạng Việt Nam như sau: "Vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"². Đây chính là những nội dung, phương hướng chiến lược mới của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai. Trên cơ sở đó, Hội nghị Trung ương tám quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr. 113, 119.

(gọi tắt là Việt Minh), hình thức mới của Mặt trận dân tộc thống nhất do đảng lãnh đạo để tập hợp đông đảo nhất, rộng rãi nhất các giai cấp, tầng lớp nhân dân Việt Nam vì mục đích cứu quốc, giành độc lập dân tộc¹. Điều đặc biệt quan trọng là tại Hội nghị này, Trung ương Đảng đã tập trung thảo luận về khả năng và phương thức tiến hành một cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị khẳng định: "Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang"².

Dưới sự lãnh đạo và tổ chức của Đảng và Mặt trận Việt Minh, phong trào cứu quốc đã dâng lên mạnh mẽ, nhất là ở các khu vực nông thôn, miền núi như Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên và ở Hà Nội, Bắc Ninh, Hà đông và một số tỉnh, thành phố thuộc đồng bằng Bắc Bộ.

Trong khi đó diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng trở nên bất lợi hơn cho phe Trục phátxít. Trước sức tấn công như vũ bão của Hồng quân Liên Xô và liên quân Đồng minh, phátxít Đức ở châu Âu và phátxít Nhật tại châu Á ngày càng bị đẩy gần tới chỗ diệt vong. Trong thế thua toàn cục đó, tối ngày 9-3-1945, quân Nhật quyết định đảo chính, nhanh chóng lật đổ thực dân Pháp, độc chiếm Đông Dương để rảnh tay đối phó với quân Đồng minh.

Cuộc đảo chính này đã gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Việt Nam, và đây chính là điều kiện phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng. Theo lời hiệu triệu của Đảng và Mặt trận Việt Minh, cao trào kháng Nhật, cứu quốc phát triển mạnh mẽ ở cả nông thôn và thành thị. Trong tình hình đó, nhằm thống nhất lực lượng, thống nhất chỉ huy và hành động, đưa

1. Về Mặt trận Việt Minh, Hội nghị xác định rõ: "Việt Nam độc lập đồng minh sẽ lấy ngọn cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh làm huy hiệu. Việt Nam độc lập đồng minh có một bản chương trình đưa ra hiệu triệu nhân dân, khẩu hiệu chính hiện nay của Việt Minh là: phản Pháp - kháng Nhật - liên Hoa - độc lập." Xem: *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t.7, tr. 122-123.

2. *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t.7, tr. 129.

cao trào cách mạng phát triển lên một bước cao hơn, ngày 15-4-1945 Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định triệu tập Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Hội nghị đã diễn ra trong 5 ngày tại huyện Hiệp Hoà (Bắc Giang), do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Một trong những vấn đề quan trọng mà Hội nghị tập trung thảo luận chính là chỉ đạo việc chuẩn bị giành chính quyền và thành lập chính quyền cách mạng. Nghị quyết của Hội nghị ghi rõ:

"Hội nghị căn cứ theo tinh thần xác thực, nhân trong lúc này chúng ta cần lãnh đạo nhân dân tổ chức ra chính quyền cách mạng hay những hình thức quá độ.

Trong căn cứ địa tổ chức ra Ủy ban nhân dân cách mạng do dân dùng phổ thông đầu phiếu mà bầu lên hay do đại biểu hội nghị các giới (công, nông, thương, phú, thanh, binh, viên chức, hành chính, các dân tộc thiểu số, cán bộ chuyên nghiệp Việt Minh, v.v.) bầu lên. Nhưng trong Ủy ban không nhất định phải đủ mặt các giới. Chính quyền ấy là một chính quyền dân chủ, là chính quyền của Mặt trận dân tộc thống nhất kháng Nhật. Các Ủy ban nhân dân cách mạng đó thống nhất đến tỉnh rồi lên đến từng khu một.

Ngoài căn cứ địa ta chưa đánh đổ được chính quyền của địch thì tổ chức ra Ủy ban dân tộc giải phóng.

Trong chiến khu Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban giải phóng dưới quyền Bộ tư lệnh và Ủy ban quân sự cách mạng"¹.

Trên phạm vi toàn quốc, "Hội nghị đề nghị triệu tập một cuộc đại biểu đại hội gồm có các giới, các đảng phái, các thân sĩ toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam"².

Đây là những chủ trương lớn, có ý nghĩa vô cùng quan trọng, xác định và chỉ đạo quá trình ra đời của chính quyền cách mạng Việt Nam trong Cách

mạng Tháng Tám, chỉ rõ đó là quá trình quá độ từ Mặt trận dân tộc thống nhất thành chính quyền dân tộc, dân chủ, nhân dân.

Theo tinh thần chỉ đạo đó của Đảng, ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh đã ra một bản Chỉ thị rất quan trọng về việc thành lập các Ủy ban dân tộc giải phóng, Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban khởi nghĩa². Chỉ thị xác định rõ: "Trong tình thế chính quyền đế quốc có chỗ tan rã, có chỗ không được ổn định như ở nước ta ngày nay, Ủy ban dân tộc giải phóng là hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng"³.

Sau đó, bản Chỉ thị còn hướng dẫn khá cụ thể việc thành lập các Ủy ban dân tộc giải phóng, Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban khởi nghĩa ở từng cấp, từng địa bàn khác nhau; hướng dẫn cách tổ chức, điều hành Ủy ban với tư cách là "hình thức tiền chính phủ". đồng thời, bản Chỉ thị cũng giao cho các Ủy ban nói trên nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức cao trào kháng Nhật, cứu quốc, chuẩn bị tích cực tiến tới Tổng khởi nghĩa. Một chức năng rất quan trọng của các thiết chế tiền chính phủ ấy là phải thực thi các biện pháp đảm bảo quyền tự do, dân chủ và cải thiện đời sống dân sinh, chứng tỏ tính ưu việt, tính chất cách mạng, vì dân, do dân và thực sự của dân, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc của chính quyền cách mạng. Trong lịch sử chính quyền cách mạng Việt Nam, cùng với bản Chỉ thị ngày 12 tháng 3 của Ban thường vụ Trung ương Đảng và bản Nghị quyết Hội nghị quân sự Bắc Kỳ của Đảng thì bản Chỉ thị này của Tổng bộ Việt Minh là một trong những văn kiện đầu tiên về công tác xây dựng, tổ chức và điều hành chính quyền cách mạng. Vì vậy, có thể coi Chỉ thị này là sự chuẩn bị quan trọng về lý luận cho sự ra đời của ngành công tác xây dựng và tổ chức chính

2. Xem toàn văn bản chỉ thị trong: *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t. 7, tr. 535-540.

3. *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t. 7, 535.

1, 2. *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t. 7, tr. 395-396, 396.

quyền cách mạng Việt Nam và của Bộ Nội vụ sau này.

Ngày 4-6-1945, theo đề nghị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Tổng bộ Việt Minh đã ra Chỉ thị thành lập Khu giải phóng gồm sáu tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang và Thái Nguyên. Mô hình đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà đã ra đời, với thủ đô là Tân Trào (thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), do Ủy ban chỉ huy lâm thời lãnh đạo¹. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc xây dựng chính quyền cách mạng ở Khu giải phóng chính là việc bước đầu mang lại những lợi ích thiết thực cho khoảng gần một triệu đồng bào các dân tộc ở khu vực sáu tỉnh miền núi và trung du Việt Bắc, đảm bảo những quyền tự do, dân chủ cơ bản cho nhân dân và tạo điều kiện để nhân dân tham gia tích cực vào việc xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng. Khu giải phóng đã thực sự trở thành hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới, có tác động cổ vũ mạnh mẽ tinh thần vùng lên quật khởi của toàn dân tộc Việt Nam trong thời điểm quyết liệt nhất của cuộc đấu tranh tự giải phóng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ của Đảng và theo Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh về việc triệu tập một cuộc đại hội đại biểu Quốc dân Việt Nam, ngày 16-8-1945, tại đình Tân Trào, Quốc dân Đại hội đã khai mạc. Hơn 60 đại biểu đại diện cho các giới, các tầng lớp nhân dân yêu nước từ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và kiều bào ở nước ngoài, tượng trưng cho khối đại đoàn kết dân tộc đã về dự Đại hội. Đại hội nhất trí ủng hộ đề nghị của Đảng Cộng sản Đông Dương về việc phát động cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi toàn quốc và thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh. Đại hội cũng nhất trí cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trần Huy Liệu làm Phó Chủ tịch². Ủy ban này có nhiệm vụ chỉ huy cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính

quyền và khi điều kiện cho phép thì chuyển thành Chính phủ lâm thời, "... thay mặt quốc dân mà giao thiệp với các nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước"³. Bên cạnh đó, một Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc cũng được thành lập, do Tổng Bí thư Trường Chinh đứng đầu⁴. Sau đó, Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam lập tức phát lệnh Tổng khởi nghĩa, hiệu triệu quốc dân đồng bào "vùng dậy tuốt gươm lấp súng để định đoạt lấy số phận của mình"³. Trong giờ phút quyết liệt đó, Hồ Chí Minh (dưới tên gọi Nguyễn ái Quốc) đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước vùng lên khởi nghĩa: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. (...) Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"⁴.

Ngày 14-8-1945 Nhật hoàng tuyên bố chính thức đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Theo lời hiệu triệu của Tổng bộ Việt Minh và lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã nhất tề vùng lên lật đổ chính phủ bù nhìn, tay sai của phátxít Nhật, lập nên chính quyền cách mạng. Tại Hà Nội, ngày 15 tháng 8 Ủy ban quân sự cách mạng đã được thành lập để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giành

Lương Bằng, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền, Chu Văn Tấn, Nguyễn Văn Xuân, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Hữu Đang. Ban Thường trực của Ủy ban này gồm có 5 thành viên là: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền và Nguyễn Lương Bằng. Xem: Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Cách mạng Tháng Tám 1945*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 181.

3. *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t.7, tr. 560-561.

4. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập vào ngày 13-8-1945 tại Tân Trào, gồm có các thành viên: Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh và Chu Văn Tấn. 23 giờ đêm 13-8-1945 Ủy ban đã ban hành Quân lệnh số 1, ra lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

3. *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t.7, tr. 563.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.3, tr.554.

1. Xem: *Văn kiện Đảng toàn tập*, sđd, t.7, tr. 541-545.

2. Ngoài ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam còn có 13 uỷ viên khác là: Nguyễn

chính quyền. Ngày 19 tháng 8, cuộc mítting khổng lồ của khoảng 200.000 người đã nhanh chóng biến thành cuộc biểu tình vũ trang quần chúng giành chính quyền. Ngày 20-8-1945 Ủy ban nhân dân cách mạng Bắc Bộ do Nguyễn Khang làm Chủ tịch và Ủy ban nhân dân cách mạng Hà Nội do Nguyễn Huy Khôi làm Chủ tịch được thành lập và ra mắt nhân dân.

Ở Huế, ngày 20 tháng 8, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Thừa Thiên được thành lập gồm năm thành viên, do Tổ Hữu làm Chủ tịch. Trưa ngày 23-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên tổ chức một cuộc mítting khổng lồ với sự tham gia của hàng vạn người tại sân vận động trung tâm kinh thành Huế, tuyên bố thành lập *Ủy ban nhân dân cách mạng Thừa Thiên – Huế* do Tôn Quang Phiệt làm Chủ tịch và kêu gọi nhân dân đứng lên giành chính quyền. Ngay lúc đó, nhận được tin vua Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị, cuộc mítting lập tức biến thành các đoàn biểu tình vũ trang của quần chúng toả đi chiếm các công sở.

Ở Nam Kỳ, dưới sự lãnh đạo của Xứ uỷ (Tiền Phong), Ủy ban khởi nghĩa được thành lập vào ngày 15-8-1945. Tối 24-8-1945 Ủy ban này đã phát lệnh khởi nghĩa ở Sài Gòn. Ngày hôm sau, trong một cuộc mítting khổng lồ của khoảng hơn một triệu người, *Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ* do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch đã ra mắt trong tiếng reo hò cổ vũ long trời¹.

Như vậy là chỉ trong khoảng hai tuần lễ, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của nhân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh đã giành thắng lợi căn bản trên phạm vi toàn quốc. Tại hầu hết các tỉnh, thành phố, huyện, xã, chính quyền cách mạng đã được thành lập.

Cách mạng Tháng Tám đã bẻ gãy gông xiềng thực dân, phátxít, đập tan chế độ quân chủ, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc ta. Tuy vậy, ngay sau khi giành được chính quyền, cách mạng Việt Nam đã phải đương

1. *Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ* bao gồm các thành viên: Trần Văn Giàu, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Tạo, Huỳnh Văn Tiêng, Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Tây.

đầu với nhiều thử thách vô cùng ác liệt. Khoảng hơn một năm, từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám tới ngày Toàn quốc kháng chiến, là một khoảng thời gian ngắn, nhưng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lịch sử Việt Nam hiện đại nói chung và trong lịch sử của ngành tổ chức chính quyền - nhà nước và của Bộ Nội vụ nói riêng. Đây là thời kỳ mà chính quyền cách mạng non trẻ vừa phải đối phó với nhiều loại kẻ thù bên trong, như "*giặc đói*", "*giặc dốt*" và các thế lực phản động, đồng thời vừa phải đối phó với nhiều thế lực giặc ngoại xâm hung ác. Ở bắc vĩ tuyến 16, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn vào trên danh nghĩa là "giải giáp quân đội Nhật", nhưng thực chất là vừa tranh thủ vơ vét, vừa thực hiện âm mưu "diệt Cộng, cầm Hồ", thủ tiêu chính quyền cách mạng để đưa bọn tay sai phản động lên nắm quyền. Ở miền Nam, dưới danh nghĩa Đồng minh, thực dân Anh đưa quân vào chiếm đóng, hậu thuẫn cho thực dân Pháp khôi phục chế độ thống trị thực dân của chúng trên đất nước ta. Chiến sự đã nổ ra quyết liệt ở Sài Gòn ngay từ ngày 23-9-1945.

Đứng trước yêu cầu cấp bách phải sớm ổn định tình hình, củng cố chính quyền cách mạng, biến chính quyền đó thành công cụ đắc lực cho việc củng cố khối đoàn kết dân tộc, bảo vệ thành quả cách mạng, đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, ngày 28-8-1945, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam tự cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Một số đảng viên cộng sản, kể cả Tổng Bí thư Trường Chinh đã tự nguyện rút lui, nhường chỗ cho một số nhân sĩ yêu nước, tiến bộ để nêu cao tinh thần đoàn kết vì đại nghĩa dân tộc². Sau này, Chủ tịch

2. Thành phần của Chính phủ lâm thời được công bố trên *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 1, ngày 29-9-1945 như sau:

Hồ Chí Minh	Chủ tịch kiêm Ngoại giao
Võ Nguyên Giáp	Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Trần Huy Liệu	Bộ trưởng Bộ Thông tin - Tuyên truyền
Chu Văn Tấn	Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
Dương Đức Hiền	Bộ trưởng Bộ Thanh niên

Hồ Chí Minh đã đánh giá: "Đó là một cử chỉ đáng khen, đáng kính mà chúng ta phải học".¹

Chính phủ lâm thời gồm 13 Bộ và 15 vị Bộ trưởng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Trong cơ cấu Chính phủ có Bộ Nội vụ do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bộ trưởng. Như vậy, ngày 28-8-1945 là ngày khai sinh của Bộ Nội vụ và của ngành Tổ chức xây dựng chính quyền nhà nước. Đồng chí Võ Nguyên Giáp là người đầu tiên giữ cương vị Bộ trưởng, lãnh đạo Bộ Nội vụ và công việc tổ chức chính quyền, an ninh, nội trị trong thời kỳ nước nhà mới giành lại được chủ quyền.

Sau khi thành lập, cơ quan Bộ Nội vụ được đặt tại toà nhà số 12 đường Ngô Quyền (nay là trụ sở Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội). Trong cơ cấu Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bộ Nội vụ có vai trò rất quan trọng. Lúc đó, tuy có Chủ tịch phủ nhưng thực tế chỉ có rất ít cán bộ nên nhiều công tác của Chủ tịch phủ đều do Bộ Nội vụ đảm trách. Như vậy, Bộ Nội vụ vừa có chức năng tổ chức xây dựng và củng cố hệ thống chính quyền cách mạng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự trị an, lại vừa đảm nhiệm một phần chức năng của Chủ tịch phủ, theo dõi và điều hành công tác nội trị, pháp

chế, hành chính công và là đầu mối phối thuộc hoạt động của các bộ khác².

Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ, Bộ Nội vụ đã nhanh chóng xây dựng và củng cố cơ quan Bộ. Trước tiên là công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, cơ cấu tổ chức của Bộ. Như đã nói ở trên, ông Võ Nguyên Giáp, một trong những người học trò, đồng chí và cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh được cử giữ chức Bộ trưởng đầu tiên của Bộ Nội vụ, kiêm Bí thư Đảng đoàn Chính phủ, đặc trách công tác quân sự. Trực tiếp giúp Bộ trưởng thời kỳ này có Đồng lý Văn phòng Hoàng Minh Giám và Chánh Văn phòng Hoàng Hữu Nam.

Để xúc tiến ngay công việc trước mắt tổ chức ra bộ máy hoạt động của Bộ Nội vụ, Chính phủ đã ban hành nhiều sắc lệnh quan trọng. Ngay trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, Chính phủ lâm thời đã ra Sắc lệnh số 01/SL ngày 30-8-1945 cử ông Hoàng Minh Giám giữ chức Đồng lý Văn phòng Bộ Nội vụ, có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng về mọi công việc. Đồng thời, ông Hoàng Minh Giám đã trực tiếp làm Thư ký Hội đồng Chính phủ, kiêm nhiệm chức năng như một Bộ trưởng phụ trách Văn phòng Chính phủ sau này.

Một trong những biện pháp cải tổ bộ máy hành chính công quyền đầu tiên của Chính phủ là xoá bỏ các ngạch quan lại cũ của bộ máy chính quyền thực dân, tổ chức hệ thống các cơ quan chính quyền mới. Ngày 3-10-1945, theo đề nghị của Bộ Nội vụ, Chính phủ đã ra Sắc lệnh số 41/SL quy định tất cả các

Nguyễn Mạnh Hà	Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc gia
Nguyễn Văn Tố	Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội
Vũ Trọng Khánh	Bộ trưởng Bộ Tư pháp
Đào Trọng Kim	Bộ trưởng Bộ Giao thông - Công chính
Lò Văn Hiến	Bộ trưởng Bộ Lao động
Phạm Ngọc Thạch	Bộ trưởng Bộ Y tế
Phạm Văn Đồng	Bộ trưởng Bộ Tài chính
Vũ Đình Hoè	Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục
Cự Huy Cận	Bộ trưởng không giữ bộ nào
Nguyễn Văn Xuân	Bộ trưởng không giữ bộ nào

1.. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.6, tr.160.

2 Trong thời gian đầu, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp là người duy nhất trong Chính phủ lâm thời được phép ký một loạt sắc lệnh quan trọng quy định những việc như thiết quân luật ở Hà Nội, quy định về Quốc kỳ, mở cuộc Tổng tuyển cử, v.v. dưới danh nghĩa "Thay mặt Chủ tịch Chính phủ lâm thời, Bộ trưởng Bộ Nội vụ". Đây là bằng chứng cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của Bộ Nội vụ trong những ngày đầu của chính quyền cách mạng. Xem: *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 1, ngày 29-9-1945, tr. 2-13.

công sở và các cơ quan thuộc phủ Toàn quyền Đông Dương đã thành lập ở Việt Nam đều bị bãi bỏ. Để khắc phục tình trạng thiếu cán bộ, công chức thông thạo nghiệp vụ hành chính công, đồng thời nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, Sắc lệnh này cũng quy định việc tuyển chọn và sử dụng nhân viên, công chức của hệ thống chính quyền cũ. Theo đó, Sắc lệnh quy định chuyển giao nhân viên của Toà công chức phủ Toàn quyền, Ty Pháp chế và Hành chính, Ty Hành chính tổ tụng và Hành chính kiểm sát, Ty Nội chính thuộc tòa Chính trị phủ Toàn quyền, Toà Liêm phóng phủ Toàn quyền, Ban Công báo của phòng Công văn phủ Toàn quyền sang Bộ Nội vụ¹. Một số nhân viên của bộ máy chính quyền cũ có hạnh kiểm, tư cách tốt, có trình độ nghiệp vụ cao đã được tuyển chọn làm việc trong Bộ Nội vụ. Ban đầu cơ quan Bộ Nội vụ chỉ có vài chục công chức, nhân viên và 3 thanh tra viên. Những nhân viên thanh tra thường được cử đi các tỉnh để tìm hiểu, nắm bắt tình hình địa phương phản ánh lên Bộ và giúp đỡ chính quyền địa phương giải quyết khó khăn.

Trước yêu cầu của cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, tháng 11-1945, phòng Nam Bộ được thành lập và trực thuộc Bộ Nội vụ. Bác sĩ Huỳnh Bá Nhung, đại biểu thanh niên Nam Bộ là người phụ trách. Phòng Nam Bộ có nhiệm vụ theo dõi tình hình miền Nam, đẩy mạnh công tác chi viện cho miền Nam kháng chiến chống Pháp.

Sau khi Chính phủ lâm thời cải tổ thành Chính phủ Liên hiệp lâm thời (ngày 1-1-1946), ngày 19-1-1946, Bộ Nội vụ đã ra Nghị định quy định tổ chức của Bộ mình. Theo Nghị định này, Bộ Nội vụ bao gồm Bộ trưởng, Đồng lý Văn phòng, Chánh Văn phòng. Cơ quan Bộ có hai bộ phận: Văn phòng và các Nha². Văn phòng Bộ Nội vụ là cơ quan giúp việc trực tiếp cho Bộ trưởng. Trong đó, Đồng lý Văn phòng phụ trách công việc hành chính và điều khiển

chung công việc của các Nha. Chánh Văn phòng phụ trách công việc chính trị và những việc đặc biệt khác.

Về các Nha, Điều 4 của Nghị định quy định: "Các Nha có nhiệm vụ giúp ông Đồng lý Văn phòng. Các Nha đặt dưới sự điều khiển của ông Đồng lý Văn phòng và các ông Giám đốc các Nha"². Cũng theo Nghị định này, Bộ Nội vụ có bốn Nha sau đây: Nha Công chức và Kế toán, Nha Pháp chế và Hành chính, Nha Thanh tra và Nha Công an³.

Trong tình thế cấp bách của công cuộc xây dựng chính quyền mới, tổ chức Bộ Nội vụ đã bước đầu được xây dựng, nhanh chóng bắt tay vào công cuộc xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng từ Trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, việc tới tận ngày 19-1-1946 Bộ mới có *Nghị định về Tổ chức Bộ Nội vụ* cho thấy rằng mặc dù đã góp công lớn vào công cuộc xây dựng bộ máy chính quyền mới, nhưng chính bản thân Bộ Nội vụ lại tương đối chậm trễ trong việc quy định cơ cấu tổ chức và phương thức điều hành công việc của mình.

Sau một thời gian gấp rút chuẩn bị, cuộc Tổng tuyển cử diễn ra ngày 6-1-1946 đã bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với 333 đại biểu, đại diện cho các thế hệ, các ngành, các giới, các giai cấp, tầng lớp xã hội, các tôn giáo, thành phần dân tộc và các đảng phái chính trị ở Việt

3. Trên cơ sở Nghị định này, nhân sự lãnh đạo của Bộ Nội vụ được phân công vào tháng 1-1946 như sau:

Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Võ Nguyên Giáp
Đồng lý Văn phòng Bộ Nội vụ	Hoàng Minh Giám
Chánh Văn phòng	Hoàng Hữu Nam
Giám đốc Nha Công chức và Kế toán	Phạm Huy Thụ
Giám đốc Nha Pháp chế và Hành chính	Phạm Khắc Hoà
Giám đốc Nha Công an	Lê Giản
Riêng Nha Thanh tra sau này mới cử ông Tôn Quang Phiệt phụ trách.	

1. *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 4, ngày 20-10-1945.

2, 2. Xem: *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 4, ngày 26-1-1946, tr. 45.

Nam¹. Tại phiên họp đầu tiên ngày 2-3-1946, Quốc hội đã chấp nhận sự từ chức của Chính phủ Liên hiệp lâm thời, đồng thời trao cho Hồ Chí Minh nhiệm vụ thành lập Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Do đã có chủ trương và chuẩn bị từ trước, dựa trên cơ sở thoả thuận với các "đảng phái đối lập", việc thành lập Chính phủ được tiến hành khá nhanh chóng và Quốc hội đã công nhận chính thức danh sách Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh đề nghị. Đây là Chính phủ đầu tiên được cơ quan quyền lực tối cao của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà phê chuẩn. Sự thành lập của Chính phủ này đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong lịch sử chính quyền cách mạng Việt Nam. Đồng thời đây cũng là một thành tựu to lớn của cách mạng Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử quan trọng.

Trong thành phần Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, cụ Huỳnh Thúc Kháng, một nhân sĩ yêu nước, có danh vọng lớn, không thuộc đảng phái nào được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ngày 22-3-1946, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, ông Hoàng Minh Giám được cử giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ, ông Phạm Khắc Hoè giữ chức Đồng lý Văn phòng Bộ².

Trước đó, cũng theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, ngày 21-2-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh "hợp các sở Cảnh sát và các sở Liêm phóng toàn quốc thành một cơ quan đặt tên là Việt Nam Công an vụ"³. Việt Nam Công an vụ do một ông Giám đốc điều khiển, dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Bộ Nội vụ⁴. Đây là một trong những biện pháp quan

trọng củng cố tổ chức của cơ quan Công an nhằm đáp ứng những yêu cầu cấp thiết của công tác bảo vệ chính quyền, bảo vệ trị an lúc đó. Tiếp theo, ngày 26-3-1946, Bộ Nội vụ ra Nghị định cử ông Vũ Quý Mão làm Giám đốc Nha Pháp chế và Hành chính. Sau ngày 6-3-1946, Chánh Văn phòng Hoàng Hữu Nam được cử làm đặc phái viên của Quân uỷ hội, do vậy ông Đặng Việt Châu được cử thay ông Hoàng Hữu Nam.

Như vậy, lúc này phần lớn các vị trí lãnh đạo quan trọng nhất trong Bộ Nội vụ đều do các nhân sĩ yêu nước nắm giữ. Họ là những người không thuộc đảng phái chính trị nào, nhưng có lòng yêu nước chân thành và ý thức phụng sự dân tộc nghiêm túc, được Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân tin cậy.

Nhằm tiếp tục củng cố chính quyền thêm một bước, ngày 3-5-1946, theo đề nghị của Bộ Nội vụ, Chính phủ đã ra Sắc lệnh số 57/SL quy định tổ chức bộ máy của các Bộ⁵. Cũng trong ngày hôm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 58 quy định về tổ chức và chức năng của cơ quan thuộc Bộ Nội vụ. Đây là một văn bản pháp lý rất quan trọng, chính thức quy định cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ. Toàn văn bản Sắc lệnh đó như sau⁶:

SẮC LỆNH số 58 ngày 3 tháng 5 năm 1946 tổ - chức Bộ Nội vụ.

CHỦ-TỊCH CHÍNH-PHỦ

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HOÀ

Chiều sắc-lệnh ngày 3 tháng 5 năm 1946 tổ-chức các Bộ;

Chiều đề nghị Bộ Nội-vụ;

Sau khi hội-đồng Chính-phủ đã thoả hiệp,

RA SẮC LỆNH:

Điều thứ nhất: Bộ Nội-vụ gồm có:

I. Văn-phòng, do một đồng-lý văn-phòng điều-khiển;

1. Ở mục sau sẽ trình bày kỹ hơn về cuộc Tổng tuyển cử và sự ra đời của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến.

2. Theo Sắc lệnh số 31NV/CC do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 22-3-1946.

3. *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 9, ngày 2-3-1946.

4. Theo Sắc lệnh số 30 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 22-3-1946 bổ nhiệm Giám đốc Việt Nam Công an vụ.

4. Xem: *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 19, ngày 11-5-1946, tr. 266.

6. *Tài liệu đã dẫn*, tr. 266-267.

II. *Nha Thanh-tra*, có nhiệm vụ kiểm soát và trình báo về hành-chính và chính-trị. Nha này thuộc quyền trực-tiếp của Bộ-trưởng và sẽ do một sắc-lệnh riêng tổ-chức;

III. Năm nha có nhiệm vụ kể sau đây, thuộc quyền kiểm soát của một đồng-lý sự-vụ:

- 1) Nha công-chức và kế-toán: quy-chế quản-trị công-chức - kế toán trong bộ;
- 2) Nha pháp-chính: việc pháp-chế và hành-chính;
- 3) Nha thông-tin tuyên-truyền: thu thập và truyền-bá các tin tức trong nước;
- 4) Việt-Nam công-an vụ: việc trị an;
- 5) Nha dân-tộc thiểu-số: xem xét các vấn-đề chính-trị và hành-chính thuộc về các dân-tộc thiểu-số trong nước, và thắt chặt tình thân-thiện giữa các dân-tộc sống trên đất Việt-Nam.

Mỗi nha có một giám-đốc quản-trị.

Điều thứ 2. Chi-tiết tổ-chức văn-phòng và các nha sẽ do nghị-định của Bộ-trưởng bộ Nội-vụ ấn-định sau.

Nghị-định Bộ-trưởng bộ Nội-vụ ngày 19 tháng giêng năm 1946, nay bãi bỏ.

Điều thứ ba. Bộ-trưởng bộ Nội-vụ chiếu sắc-lệnh thi hành.

Hà Nội, ngày 3 tháng 5 năm 1946

HỒ-CHÍ-MINH

Phó thư:

Bộ-trưởng bộ Nội-vụ

HUỶNH-THÚC-KHÁNG

Theo đó, tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ đã được kiện toàn thêm một bước, đặc biệt có hai nha mới được thành lập là Nha Thông tin Tuyên truyền và Nha Dân tộc thiểu số. Văn phòng Bộ Nội vụ là cơ quan trực tiếp giúp việc cho Bộ trưởng về nhiệm vụ chính trị, do một Đồng lý đứng đầu. Thời kỳ đó vị trí này được giao cho nhân sĩ Phạm Khắc Hoè.

Trong các tổ chức của Bộ, riêng Nha Thanh tra hoạt động trực thuộc Bộ trưởng, 5 nha còn lại thuộc quyền kiểm soát của Đồng lý sự vụ. Nha Thanh tra

có nhiệm vụ kiểm soát và trình báo về hành chính và chính trị. Đứng đầu Nha Thanh tra là ông Tôn Quang Phiệt. Nha Công chức và Kế toán của Bộ Nội vụ là cơ quan chuyên phụ trách các vấn đề liên quan đến quy chế và quản trị công chức và kế toán của Bộ. Đứng đầu Nha Công chức và Kế toán thời kỳ này là Giám đốc Phạm Huy Thụ.

Theo Nghị định số 174 ngày 31-5-1946 của Bộ Nội vụ, tổ chức của Nha Pháp chế bao gồm có Ban Công văn, Ty Pháp chế và Ty Hành chính. Ban Công văn phụ trách các công việc về văn thư, nhân viên, cơ sở vật chất. Ty Pháp chế bao gồm hai phòng : Phòng Pháp chế phụ trách việc nghiên cứu, dự thảo các luật lệ thuộc về công pháp, xét duyệt các dự án nghị định hay quy định do cấp kỳ trình lên; đóng góp ý kiến về lĩnh vực pháp chế và công luật và tất cả những dự thảo về luật, sắc lệnh, nghị định, nghị quyết... do các cơ quan của Chính phủ gửi; đồng thời có trách nhiệm công bố các đạo luật, sắc lệnh, nghị định của Nhà nước. Phòng Công báo phụ trách công tác in ấn, xuất bản và quản lý tờ Việt Nam Dân quốc công báo.

Ty Hành chính cũng bao gồm có hai phòng: Phòng Hành chính có nhiệm vụ giải thích và thi hành những luật lệ về hành chính, kết hợp với nhiều cơ quan khác của Chính phủ kiểm tra công việc hành chính nói chung, thi hành quyền kiểm soát của Chính phủ về hành chính, kiểm soát công tác hành chính của các thành phố, đô thị, thi hành luật lệ về quyền tự do của công dân như tuyển cử, lập hội, tự do hội họp v.v. và liên lạc với các cơ quan tư pháp để giải quyết các công việc liên quan đến tư pháp. Phòng Báo chí chuyên kiểm soát việc thi hành luật lệ về báo chí, in ấn, xuất bản, quyền tư hữu các sản phẩm văn hoá, kỹ thuật, v.v..

Ngày 13-5-1946, Bộ Nội vụ đã ra Nghị định số 145 quy định người đứng đầu Nha Thông tin tuyên truyền là một Tổng giám đốc. Chức vụ này được trao cho bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng. Tổ chức của Nha bao gồm : Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, Ty Nhận tin vô tuyến điện, Ty Kiểm soát giấy, Ty Kiểm duyệt báo chí và sách. Tại mỗi kỳ, tổ chức một Sở Thông tin tuyên

truyền, đứng đầu là một giám đốc¹. Cấp tỉnh có một Ty Thông tin tuyên truyền. Từ cấp huyện đến cấp xã, việc thông tin tuyên truyền do một uỷ viên trong Uỷ ban hành chính phụ trách. Theo Sắc lệnh số 224 ngày 27-11-1946, Nha Thông tin tuyên truyền được đổi tên thành Nha Thông tin.

Một trong những hoạt động trực tiếp liên quan đến công tác đoàn kết dân tộc, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên đất nước ta lúc đó đã được Nha Dân tộc thiểu số thuộc Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm. Ngày 9-9-1946, Bộ Nội vụ đã ra Nghị định số 359 quy định chức năng và nhiệm vụ của Nha Dân tộc thiểu số. Cơ quan này chịu trách nhiệm nghiên cứu và giải quyết mọi vấn đề liên quan đến các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nhằm củng cố mối tương trợ, đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Tổ chức của Nha bao gồm: Văn phòng, Ban Nghiên cứu các dân tộc thiểu số, Ban Tuyên truyền, Ban Thanh tra, Ban Kinh tế, Ban Đón tiếp. Theo Sắc lệnh số 208 ngày 16-11-1946, ông Hoàng Văn Phụng, người dân tộc Thổ, được cử giữ chức Giám đốc Nha Dân tộc thiểu số. Ngoài ra, theo quy định còn có một phó giám đốc và một bí thư trưởng được lựa chọn từ người dân tộc thiểu số.

Như đã nói ở trên, để thực hiện nhiệm vụ cấp bách của chính quyền cách mạng trấn áp bọn phản động, bảo đảm an ninh trật tự xã hội, theo đề nghị của Bộ Nội vụ, ngày 21-2-1946, Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh số 23 thành lập Việt Nam Công an vụ trực thuộc Bộ Nội vụ. Tổ chức này có nhiệm vụ: Tìm kiếm và tập trung các tin tức và tài liệu liên quan đến sự an toàn của quốc gia ở cả trong và ngoài nước; đề nghị và thi hành các phương pháp đề phòng những hành động của người Việt Nam hay người nước ngoài gây rối trật tự an ninh của đất nước; điều tra những hành động trái phép và truy tìm can phạm

1. Lúc đó, ông Trần Quảng Văn (tức Trần Lâm) làm chủ sự Đài phát thanh, ông Nguyễn Công Truyền làm Giám đốc Sở Thông tin tuyên truyền Bắc Bộ, ông Nguyễn Khoa Văn làm Giám đốc Sở ở Trung Bộ và ông Huỳnh Văn Tiêng làm Giám đốc Sở ở Nam Bộ.

gửi lên toà án xét xử.

Thực hiện Sắc lệnh số 58 của Chính phủ, ngày 18-4-1946, Bộ Nội vụ đã ra Nghị định về tổ chức của Việt Nam Công an vụ, bao gồm ba cấp: công an trung ương, công an kỳ và công an tỉnh. Cơ quan công an trung ương gọi là Nha Công an Việt Nam, đứng đầu là một Tổng giám đốc. Chức vụ này được giao cho ông Nguyễn Dương. Đến ngày 8-6-1946, Chính phủ ra Sắc lệnh cử ông Lê Giản giữ chức Tổng giám đốc. Cấp kỳ được gọi là Sở Công an, đứng đầu là một Giám đốc². Ty Công an là tổ chức công an cấp tỉnh, đứng đầu là Trưởng ty.

Như vậy, trước yêu cầu thiết của cách mạng Việt Nam, đến giữa năm 1946 bộ máy của Bộ Nội vụ cũng đã nhanh chóng được xây dựng và kiện toàn. Cấp trung ương được tổ chức tương đối hoàn chỉnh với một văn phòng, một phòng trực thuộc và 6 nha. Riêng Việt Nam Công an vụ và Nha Thông tin đã tổ chức được hệ thống dọc xuống các địa phương.

Cho đến trước ngày toàn quốc kháng chiến, nhân sự trong cơ quan Bộ có sự thay đổi theo yêu cầu của tình hình mới. Nhận lời mời của Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm nước Pháp. Ngày 29-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 82/SL cử Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng sẽ thay Người ký những công văn thường ngày của Chính phủ và Chủ tọa Hội đồng Chính phủ. Cùng thời gian này, một phái đoàn ngoại giao Việt Nam đã sang Pari đàm phán chính thức với Chính phủ Pháp. Tham gia phái đoàn có hai thành viên của Bộ Nội vụ là Thứ trưởng Hoàng Minh Giám và Đồng lý Văn phòng Phạm Khắc Hoè. Cùng ngày 29-5-1946, Chính phủ đã ra sắc lệnh cử ông Cù Huy Cận làm trợ lý cho Thứ trưởng Hoàng Minh Giám. Còn công việc của Đồng lý Văn phòng giao cho ông Đặng Việt Châu.

2. Ở Bắc Bộ, ban đầu là ông Chu Đình Xương giữ chức Giám đốc Sở Công an. Từ ngày 26-3 đến ngày 9-5-1946 ông Đào Hùng lên thay. Ở Trung Bộ, ban đầu là ông Đào Xuân Mai, sau đó là ông Nguyễn Văn Ngọc giữ chức Giám đốc Sở Công an.

Ngày 28-10-1946, tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội đã lập ra Chính phủ mới. Cụ Huỳnh Thúc Kháng vẫn giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ông Hoàng Minh Giám thôi giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ, chuyển sang làm Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, ông Hoàng Hữu Nam được cử thay ông Hoàng Minh Giám. Cuối tháng 11-1946, Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng đi công tác ở các tỉnh Trung Bộ. Trong thời gian cụ Huỳnh đi công tác, ông Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng Bộ Nội vụ thay cụ điều hành các công việc của Bộ.

Như vậy có thể thấy, khi mới được thành lập, cơ quan Bộ chỉ có vên vện vài chục cán bộ, công chức, bao gồm cả lãnh đạo và chuyên viên, nhân viên. Đứng đầu Bộ là Bộ trưởng phụ trách chung. Dưới Bộ trưởng lúc đầu không có Thứ trưởng mà có Đồng lý Văn phòng làm nhiệm vụ tương tự như Thứ trưởng, vừa phụ trách chỉ đạo các cấp chính quyền trung gian (cấp kỳ cho tới cấp tỉnh), vừa thay mặt Bộ trưởng khi Bộ trưởng đi vắng. Tại cơ quan Bộ còn có chức Chánh Văn phòng, vừa làm nhiệm vụ theo dõi, điều hành các công việc ở cơ quan Bộ, vừa là trợ lý trực tiếp cho Bộ trưởng¹.

Thành phần cán bộ của Bộ ngay từ đầu đã thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc mạnh mẽ trên cơ sở của chủ nghĩa yêu nước và ý thức phụng sự nhân dân. Bên cạnh các cán bộ cách mạng cao cấp giữ vai trò lãnh đạo, Bộ đã mời các nhân sĩ yêu nước, tiến bộ, có danh vọng và uy tín lớn, có trình độ cao và có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, pháp quyền đến làm việc trên tinh thần thành thật hợp tác, lấy công việc phụng sự dân tộc làm mục tiêu, không phân biệt, kỳ thị. Đây chính là một trong những ưu điểm nổi bật thể hiện tinh thần đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh được vận dụng trong việc xây dựng cơ quan Bộ Nội vụ nói riêng và xây dựng chính quyền cách mạng nói chung. Chủ trương này đã tạo ra ấn tượng và ảnh hưởng sâu sắc với cả một thế hệ nhân sĩ – trí thức thời đó, có tác động rất to lớn và tích cực trong việc

cùng cố khối đại đoàn kết dân tộc và củng cố chính quyền cách mạng.

Trong lịch sử của Bộ Nội vụ, sự kiện nhân sĩ Huỳnh Thúc Kháng được mời giữ chức Bộ trưởng từ thượng tuần tháng 3 năm 1946 là một sự kiện đặc biệt. Theo thoả thuận ngày 23-12-1945 giữa Việt Minh với các "đảng đối lập" cùng tham gia xây dựng Chính phủ Liên hiệp kháng chiến thì người đứng đầu hai bộ quan trọng : Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng, phải là các nhân sĩ trung lập². Với nhân quan chính trị vô cùng sắc bén và nhạy cảm, Hồ Chí Minh đã quyết định mời cụ Huỳnh Thúc Kháng từ Trung Bộ ra Hà Nội nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Cụ Huỳnh là một chí sĩ yêu nước thuộc hàng tiền bối, là bậc đại khoa, có danh vọng và uy tín lớn lao. Việc cụ Huỳnh tham gia Chính phủ và giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ vừa giúp cho Chính phủ có thêm một nhân sĩ tài năng, đức độ, do đó củng cố thêm được sự ủng hộ mạnh mẽ của quảng đại dân chúng và uy tín của Chính phủ cũng được tăng lên.

Trên cương vị Bộ trưởng, cụ Huỳnh đã không quản tuổi cao, cống hiến hết mình và thực sự có đóng góp đáng kể. Cụ Huỳnh Thúc Kháng tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức làm việc của Bộ, ban hành nhiều nghị định, thông tư hướng dẫn để hoàn thiện hơn nữa cơ cấu tổ chức của hệ thống chính quyền và của Bộ. Từ ngày 31-5 đến ngày 21-10-1946 cụ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tin cậy trao cho trọng trách Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ. Ngay cả trên cương vị này cụ Huỳnh đã hoàn toàn xứng đáng với sự tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh và lòng trông đợi của dân chúng, đặc biệt thể hiện lập trường kiên định, thái độ quyết liệt của cụ trong việc đối phó với âm mưu chống phá sự nghiệp kiến quốc của các đảng phái phản cách mạng³.

Phạm Khắc Hoè cũng là một trường hợp đặc biệt. ông là một nhân sĩ tiến bộ, từng giữ chức Đồng lý Văn phòng của vua Bảo Đại, sau khi được mời làm

1. Xem: Phạm Khắc Hoè: *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, Nxb. Thuận Hoá, 1987, tr. 164-165.

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr. 521.

3. Xem: Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 466.

việc trong tinh thần đoàn kết chân thật, giản dị với các cán bộ cách mạng tại cơ quan Bộ Nội vụ đã kiên định, tận tâm tận lực công tác, hoàn thành các nhiệm vụ được Bộ giao phó¹. Điều này cho thấy, tuy hình thức tổ chức cơ quan, thể thức vận hành và thủ tục hành chính có nét giống với thời thực dân, song bản chất chính quyền, lề lối làm việc và mục đích phục vụ của Bộ Nội vụ đã thay đổi hoàn toàn về chất.

II- BỘ NỘI VỤ VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

Là một trong 13 Bộ của Chính phủ Lâm thời, Bộ Nội vụ được phân công lãnh đạo, theo dõi hai lĩnh vực công tác chính là *tổ chức xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền các cấp và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội*. Tuy nhiên trên thực tế Bộ Nội vụ đã phải *đảm nhiệm hầu như toàn bộ công việc nội trị* của Chính phủ.

Nhiệm vụ quan trọng nhất của Bộ Nội vụ lúc này là *khẩn trương chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng các cấp. Đây là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp nhất, nhưng cũng là lĩnh vực công tác mà Bộ Nội vụ đã có những đóng góp nổi bật nhất*, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng, củng cố chính quyền nói riêng và vào cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài nói chung.

Sau Cách mạng Tháng Tám, các hình thức quá độ của chính quyền cách

1. Phạm Khắc Hoè đã ghi lại những cảm xúc đặc biệt trong hồi ký của ông như sau: “Sau 20 năm chìm đắm trong vũng bùn hôi tanh của chính quyền thực dân phong kiến, tôi vô cùng phấn khởi được góp phần nhỏ của mình vào việc xây dựng cơ cấu chính quyền ruột thịt của nhân dân và phân biệt được sự khác nhau giữa nền dân chủ tư sản mà tôi hằng “mơ ước” với nền dân chủ nhân dân, con đẻ của Cách mạng Tháng Tám.” Xem: Phạm Khắc Hoè: *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, Nxb. Thuận Hoá, 1987, tr. 169.

mạng đều chuyển thành hệ thống chính quyền là các *Ủy ban nhân dân và Ủy ban hành chính*. Là thành quả trực tiếp của cách mạng, ưu điểm nổi bật và thế mạnh tuyệt đối của hệ thống chính quyền mới là: nó tiêu biểu cho ý chí, quyền lợi của quần chúng nhân dân, và do đó, được nhân dân tin tưởng, ủng hộ mạnh mẽ. Hơn nữa, hệ thống chính quyền này luôn được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, lãnh đạo sát sao, chỉ đạo kịp thời, cụ thể. Đó là những thuận lợi căn bản của Bộ Nội vụ trong công tác tổ chức, xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền.

Tuy nhiên, trong công tác này, Bộ Nội vụ cũng phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, phức tạp.

Như trên đã phân tích, hệ thống chính quyền cách mạng trong buổi đầu chưa thống nhất thành một hệ thống đồng bộ. Ở nhiều địa phương, do cán bộ phụ trách thiếu kinh nghiệm, vận dụng sai chính sách đại đoàn kết và tổ chức bầu cử không chặt chẽ, một số phần tử kỳ hào, lý dịch, quan lại, thậm chí cả phần tử phản động đã chui được vào các Ủy ban nhân dân². Cá biệt, có nơi cán bộ địa phương đã áp dụng cả biện pháp “mua quan, bán tước” trong “xây dựng” chính quyền mới³. Ngay trong hàng ngũ cán bộ cách mạng tham gia công tác chính quyền, bên cạnh nhiều ưu điểm nổi bật, cũng bộc lộ ngay từ đầu một số hạn chế, mà phổ biến nhất là thiếu kinh nghiệm, thiếu đầu óc tổ chức trong lãnh đạo, chỉ đạo công việc và quản lý hành chính. Thậm chí, ngay trong những tháng đầu ở vị trí nắm giữ quyền lực trong tay, một số cán bộ đã bắt đầu có biểu hiện tha hoá, phạm phải 6 loại sai lầm nghiêm trọng mà Hồ Chí

2. Một ví dụ điển hình cho tình hình này là ở tỉnh Hưng Yên. Xem: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên : *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr.153-154.

3. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr. 54-55.

Minh đã vạch ra trong bức *Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*, đề ngày 17-10-1945. Đó là các sai phạm: 1) *Trái phép* (vì tư thù tư oán mà bắt bớ và tịch thu làm cho dân oán thán); 2) *Cây thế* (Cây thế mình ở trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng, phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân); 3) *Hủ hoá* (Lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức); 4) *Tư túng* (Kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài); 5) *Chia rẽ* (Bên vực lớp này, chống lại lớp khác); và 6) *Kiêu ngạo* (Coi khinh dân gian, vác mặt "quan cách mạng")¹.

Tình hình trên đây đặt ra đòi hỏi khách quan, cấp thiết phải có những biện pháp cụ thể để nhanh chóng khắc phục những yếu kém của các cấp chính quyền địa phương. Chỉ có như vậy mới củng cố được lòng tin cậy và sự ủng hộ của nhân dân đối với chính quyền cách mạng, ngăn chặn được âm mưu phá hoại, lật đổ của các thế lực thù địch từ cơ sở.

Do xác định được tầm quan trọng đặc biệt của việc khẩn trương củng cố các cấp chính quyền cấp trung gian và cơ sở mà Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng đều tham gia chỉ đạo rất sát sao, cụ thể. Ngày 3-9-1945, trong bài phát biểu khai mạc phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Sau tám mươi năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, *các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính* (TG. nhấn mạnh).

Nhưng điều đó không làm cho chúng ta lo ngại. *Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm* (TG. nhấn mạnh). Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành

công"². Cách đặt vấn đề như vậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đúng hướng cho việc khắc phục các điểm yếu kém, lệch lạc trong công tác nội trị, hành chính và kiến thiết chính quyền mới. Dưới bút danh "Chiến Thắng" hoặc công khai với thẩm quyền của người đứng đầu Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài đăng trên báo *Cứu Quốc*, thẳng thắn phê bình các điểm yếu kém của cán bộ, chính quyền, đồng thời chỉ ra phương hướng, biện pháp khắc phục cụ thể.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ đã kịp thời có những biện pháp để khắc phục tình hình, nhanh chóng củng cố chính quyền cách mạng cấp cơ sở. Cuối tháng 10-1945 một *Ban nghiên cứu tổ chức chính quyền địa phương* đã được thành lập, do đích thân Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp làm Trưởng ban. Ngoài các ông Đồng lý Văn phòng, Chánh Văn phòng và chuyên viên cao cấp của Bộ Nội vụ, một số Bộ trưởng và đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân Bắc Bộ cũng được mời tham gia vào ban này (xem Bảng 1).³

Thành phần của *Ban nghiên cứu tổ chức chính quyền địa phương*:

Võ Nguyên Giáp	Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban
Cù Huy Cận	Bộ trưởng Bộ Canh nông, uỷ viên
Lê Văn Hiến	Bộ trưởng Bộ Lao động, uỷ viên
Vũ Đình Hoè	Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục, uỷ viên
Vũ Trọng Khánh	Bộ trưởng Bộ Tư pháp, uỷ viên
Hoàng Minh Giám	Đồng lý Văn phòng, Bộ Nội vụ, uỷ viên
Hoàng Hữu Nam	Chánh Văn phòng, Bộ Nội vụ, uỷ viên
Chu Quang Côn	Chuyên viên Bộ Nội vụ, uỷ viên
Lê Hữu Tân	Chuyên viên Bộ Nội vụ, uỷ viên

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, sđd*, t. 4, tr. 7.

3. Theo: Phạm Khắc Hoè, *sđd*, tr. 167-168.

1. Xem: Hồ Chí Minh : *Toàn tập, sđd*, t. 4, tr. 57.

LỊCH SỬ BỘ NỘI VỤ

Nguyễn Xiển	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Bắc Bộ, uỷ viên
Nguyễn Văn Trân	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Bắc Bộ, uỷ viên
Nguyễn Duy Thân	Ủy viên chính trị Ủy ban nhân dân Bắc bộ, uỷ viên
Nguyễn Văn Huyền	Giám đốc Nha Đại học vụ, Bộ Quốc gia Giáo dục, uỷ viên
Phạm Khắc Hoè	Nguyên Đồng lý văn phòng của cựu Hoàng đế Bảo Đại

Sau một thời gian gấp rút bàn bạc, ngày 22-11-1945, *Ban nghiên cứu tổ chức chính quyền địa phương* đã đưa ra được những kiến nghị rất cụ thể và Bộ Nội vụ đã đệ trình đề Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 63 về tổ chức, quyền hạn, cách làm việc của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp (xã, huyện, tỉnh, kỳ). Sắc lệnh này gồm 4 chương, 115 điều, quy định chặt chẽ các nguyên tắc và quy trình xây dựng và tổ chức các cấp chính quyền cấp trung gian và cơ sở¹. Đây là một đóng góp rất có ý nghĩa của Bộ Nội vụ vào việc xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng trong một giai đoạn cực kỳ khó khăn.

Tiếp theo Sắc lệnh trên, ngày 23-11-1945, Bộ Nội vụ cùng với Bộ Tư pháp đã đệ trình đề Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 64, về việc thành lập và quy định quyền hạn Ban Thanh tra đặc biệt và Tòa án đặc biệt. Sắc lệnh gồm 8 điều. Ban này có thẩm quyền và nhiệm vụ giám sát và thanh tra tất cả các công việc của các Ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ, có đầy đủ quyền hạn kiểm tra tất cả các văn bản và đề nghị bắt giam những nhân viên vi phạm khuyết điểm trước khi đưa ra Hội đồng Chính phủ hay Tòa án đặc biệt để xét xử. Ban này cũng có quyền đề nghị lên Chính phủ điều cần sửa đổi trong các cơ quan công quyền.² Đây là một biện pháp rất mạnh mẽ và hữu hiệu của Chính phủ, trong đó Bộ Nội vụ đóng vai trò then chốt, nhằm khẩn trương chỉnh đốn, củng cố hệ thống chính quyền cách mạng, qua đó củng cố hơn nữa lòng tin cậy và ủng hộ của nhân dân; loại trừ nguy cơ công kích, chống phá chính quyền của kẻ thù.

Trong thời kỳ 1945-1946, nếu như việc xây dựng, củng cố chính quyền ở cấp trung gian và cơ sở *có tầm quan trọng đặc biệt* vì công tác này có liên quan trực tiếp tới việc củng cố uy tín của chính quyền cách mạng trước quảng đại dân chúng, thì *việc củng cố và gìn giữ chính quyền ở cấp trung ương lại có ý nghĩa sống còn* đối với vận mệnh của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh một mất, một còn chống thù trong, giặc ngoài.

Công cuộc xây dựng, tổ chức và củng cố chính quyền trung ương ở giai đoạn này có hai đặc điểm chính sau đây:

Thứ nhất, đây chính là địa hạt đấu tranh gay go, quyết liệt và phức tạp nhất giữa Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận Việt Minh với các thế lực thù địch. Mục tiêu hàng đầu của các thế lực phản động bên trong cấu kết với các thế lực ngoại xâm là lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ, xoá bỏ thành tựu của Cách mạng Tháng Tám. Do đó, chúng không từ bất cứ thủ đoạn nào để đạt được mục tiêu trên.

Thứ hai, do tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề mà việc xây dựng, tổ chức và củng cố chính quyền trung ương được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đặc biệt quan tâm và lãnh đạo trực tiếp. Do đó, đây không phải chỉ là nhiệm vụ của riêng Bộ Nội vụ (mặc dù Bộ Nội vụ có vai trò then chốt).

Đứng trước một tình thế vô cùng khó khăn và phức tạp của đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, một trong những nhiệm vụ hàng đầu để củng cố và tăng cường chính quyền là phải thực hiện quyền dân chủ cho quần chúng, phải xúc tiến việc đi đến bầu cử Quốc hội để quy định Hiến pháp, và thành lập chính phủ hợp hiến, hợp pháp.

Tư tưởng xây dựng chế độ dân quyền đã được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo ngay trong tiến trình đấu tranh giành quyền độc lập dân tộc, bằng hình thức tổ chức Quốc dân Đại hội Tân Trào để thông qua quyết sách chuyển xoay vận nước bằng Tổng khởi nghĩa, xoá bỏ chế độ nô dịch cũ, thi hành 10 chính sách của Việt Minh, đặt cơ sở mang tính pháp lý cách mạng đầu tiên

1. Xem: *Việt Nam Dân Quốc công báo*, số 11, ngày 23-11-1945.

2. Xem: *Tài liệu đã dẫn*, số 12, ngày 11-12-1945.

cho một chế độ mới của dân, do dân và vì dân¹.

Trong giai đoạn mới, ngay trước ngày đọc *Tuyên ngôn Độc lập* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị cải tổ thành phần Chính phủ lâm thời, theo đó, một số đồng chí lãnh đạo Đảng chủ động rút lui để nhường chỗ cho một số nhân sĩ yêu nước, tiến bộ. Do đó, sức mạnh đoàn kết dân tộc được củng cố, uy tín Chính phủ được nâng cao hơn một bước.

Khi tràn vào nước ta, quân đội Tưởng Giới Thạch đã kéo theo một số đảng phái của người Việt là tay sai của chúng, như Việt Quốc, Việt Cách, Đại Việt v.v.. Dựa vào thế giặc, núp dưới chiêu bài “ái quốc”, “dân tộc”, chúng ra sức công kích Đảng Cộng sản, Mặt trận Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở nhiều nơi, chẳng hạn như Yên Bái, Lào Cai, Quảng Yên, Hà Giang, chúng công khai tấn công, nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Ở Hà Nội, chúng cũng công khai tuyên bố sẽ lật đổ chính quyền của ta.

Đề đối phó với âm mưu thâm hiểm của kẻ thù, *một mặt*, ta chủ trương dựa chắc vào sự ủng hộ của quần chúng, kiên quyết đập tan âm mưu lật đổ của chúng. *Mặt khác*, ta chủ trương nhường cho các “đảng phái đối lập” một số vị trí trong chính phủ để chặn bàn tay can thiệp thô bạo của quân Tưởng. Do đó mà cả trước và sau cuộc Tổng tuyển cử, Chính phủ đã cải tổ một số lần. Một số lãnh tụ của các đảng phái phản động như Nguyễn Hải Thần (Việt Cách), Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam (Việt Nam Quốc dân Đảng), đã được “mời” vào nắm giữ các vị trí cao trong Chính phủ.

Một chủ trương lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là khẩn trương tổ chức cuộc Tổng tuyển cử để bầu ra các cơ quan công quyền hợp hiến, hợp pháp. Bộ Nội vụ đã có đóng góp quan trọng trong việc thực hiện chủ trương này. Ngày 8-9-1945, thay mặt Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký Sắc lệnh số 14 về việc “mở cuộc tổng tuyển cử để

bầu Quốc dân Đại hội”². Tiếp đó, Bộ Nội vụ đã chuẩn bị để Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 51 vào ngày 17-10-1945 quy định thể lệ cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên ở nước ta. Sắc lệnh gồm 12 khoản với 70 điều, giao cho Bộ Nội vụ và Bộ Tuyên truyền cùng phối hợp tổ chức thực hiện³.

Nhận thức rõ sứ mạng thiêng liêng của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, Bộ Nội vụ đã dốc toàn tâm, toàn sức, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ngày 2-11-1945 Đồng lý Văn phòng Bộ Nội vụ Hoàng Minh Giám đã gửi thông tư tới tất cả các Chủ tịch các Ủy ban nhân dân Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Sắc lệnh ngày 17-10-1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh⁴. Đồng thời, Bộ đã cho in ấn, phổ biến rộng rãi và yêu cầu các cấp chính quyền phải tiến hành sâu rộng một cuộc vận động, tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ ý nghĩa, mục đích của cuộc Tổng tuyển cử, và bảo đảm cho mọi người được tự do lựa chọn người mình muốn bầu, tránh mọi sự gò ép.

Vấn đề bảo đảm thật sự tự do và dân chủ là yếu tố quyết định thành công của cuộc Tổng tuyển cử, do vậy đã được Bộ Nội vụ đặc biệt chú ý. Tại Hội nghị các Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Bắc Bộ, ngày 5-12-1945, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần vấn đề đảm bảo tự do dân chủ trong bầu cử. Tiếp thu tinh thần đó, Ban phụ trách Tổng tuyển cử ở Bắc Bộ đã xuất bản tờ báo *Quốc hội* để giải thích và thông tin sâu rộng hơn trong dân chúng. Đồng thời Bộ Nội vụ đã gửi tới các tỉnh Trung Bộ và Nam Bộ các bức điện nhấn mạnh: Cuộc Tổng tuyển cử hiện thời có quan hệ đến vận mệnh quốc gia và mọi phương diện nội trị, ngoại giao, quân sự...Bổn phận của Ủy ban nhân dân địa phương là vận động cho quốc dân hiểu rõ sự quan hệ đó, để toàn thể quốc dân tham gia nhiệt tình vào cuộc Tổng tuyển cử, hăng hái ra ứng cử và đi bầu cử, thận

1. Xem: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 15-16.

2. Xem: *Việt Nam Dân chúng công báo*, số 1, ngày 29-9-1945, tr. 8.

3. Xem: *Tài liệu đã dẫn*, số 5, ngày 26-10-1945, tr.9.

4. Xem: *Tài liệu đã dẫn*, số 12, ngày 1-12-1945, tr.15.

trọng trong việc lựa chọn nhân tài...; không được can thiệp vào, hoặc làm trở ngại quyền tự do vận động của người ra ứng cử; tuyệt đối không được dùng chính quyền để ảnh hưởng đến sự lựa chọn hay sự vận động ấy, phải hoàn toàn trung lập, chỉ khi nào ai vận động một cách không hợp pháp thì Ủy ban nhân dân địa phương mới được can thiệp để giữ vững trật tự...

Nhờ những hoạt động tích cực của Bộ Nội vụ cùng việc trực tiếp theo dõi sát sao công tác chuẩn bị Tổng tuyển cử ở từng địa phương, Chính phủ đã nhận thấy có nhiều nhân sĩ muốn ra ứng cử nhưng không có đủ thời gian nộp đơn và vận động. Căn cứ tình hình cụ thể, báo cáo và đề nghị của Bộ Nội vụ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời ra Sắc lệnh số 76 (ngày 18-12-1945) hoãn cuộc Tổng tuyển cử từ ngày 23-12-1945 sang ngày 6-1-1946¹.

Do nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, trong đó có đóng góp xứng đáng của Bộ Nội vụ mà cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên ở nước ta đã được tổ chức thành công. Theo báo cáo của Bộ Nội vụ thì ở Bắc Bộ và Trung Bộ hơn 90% cử tri đã tham gia bầu cử. Ở Nam Bộ, mặc dù chiến sự đang diễn ra ác liệt, cuộc bầu cử vẫn được tổ chức tốt ở nhiều nơi².

Ngày 2-3-1946, Quốc hội đã họp phiên đầu tiên tại Hà Nội. Đề "tò sự đoàn kết toàn dân, Chính phủ xin đề nghị với đại hội mở rộng số đại biểu ra thêm 70 người nữa"³. 70 ghế này được dành cho đại biểu thuộc Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội (20 ghế) và Việt Nam Quốc dân đảng (50 ghế). Quốc hội đã chuẩn y lời đề nghị của Chính phủ và giao cho Hồ Chí Minh lập Chính phủ

1. Xem: *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 16, ngày 29-12-1945. Tuy nhiên, ở một số nơi, do không kịp nhận Sắc lệnh hoãn lại thì vẫn được phép tổ chức bầu cử vào ngày 23-12-1945, sau đó báo cáo cho Bộ Nội vụ.

2. Bộ Nội vụ: Báo cáo những công việc Bộ Nội vụ và các cơ quan thuộc Bộ đã làm trong 1.000 ngày kháng chiến, tài liệu lưu trữ hồ sơ số 2. phòng Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, tr. 5.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr. 189.

Liên hiệp kháng chiến mới. Đồng thời Quốc hội cũng cử ra Ban soạn thảo Hiến pháp. Như vậy là chính quyền cách mạng đã được xây dựng và củng cố về căn bản.

Một trong những vấn đề cấp bách và phức tạp trong quá trình xây dựng chính quyền đòi hỏi Bộ Nội vụ phải giải quyết, đó là vấn đề công chức cũ của bộ máy chính quyền thực dân để lại. Một phần phải khéo kể thừa đội ngũ công chức cũ, giải quyết công ăn việc làm cho công chức, đồng thời cũng cần kiên quyết để tránh khả năng quá tải cho chính quyền cách mạng. Bộ Nội vụ đã thông qua hàng loạt văn bản quy định chế độ nghỉ hưu đối với những người đã làm việc được 30 năm hoặc đã đến 55 tuổi; cho phép công chức được xin nghỉ không lương từ 6 tháng trở lên và liên tiếp xin nghỉ gia hạn từ 6 tháng trở lên; trợ cấp một tháng lương cho những công chức xin từ chức hoặc nghỉ 6 tháng trở lên. Đồng thời Bộ còn đề nghị Chính phủ ra Sắc lệnh số 161/SL (ngày 23-8-1946) quy định những công chức Việt Nam vì lý do chính trị đã bị bãi chức hay cách chức trước ngày 19-8-1945, có nhu cầu sẽ được trở lại chức cũ hoặc ngạch tương đương. Đến đầu năm 1946, khoảng một nửa số công chức cũ đã xin về hưu, xin nghỉ dài hạn không lương hoặc xin thôi việc để tham gia phong trào tăng gia sản xuất; hoặc có nhiều công chức cao cấp tình nguyện công tác tạm thời không có lương. Ngoài ra, Bộ đã bước đầu nghiên cứu và đề nghị Chính phủ thông qua sắc lệnh về chế độ hưu bổng; chế độ tiền lương và phụ cấp. Bộ Nội vụ đã thiết lập một Hội đồng nghiên cứu và lập Dự án quy tắc chung cho các ngạch công chức Việt Nam⁴.

Trong quá trình phấn đấu hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề, phức tạp trên đây, bản thân Bộ Nội vụ, với tư cách là một bộ phận cấu thành trọng yếu

4. Hội đồng bao gồm Thứ trưởng Bộ Nội vụ Hoàng Minh Giám làm Chủ tịch, Ủy viên gồm Đồng lý Văn phòng Phạm Khắc Hoè; Giám đốc Nha Công chức Phạm Huy Thụ, một viên chức đại diện Bộ Tài chính, hai đại diện Tổng hội viên chức và Tham tá Bộ Nội vụ Ngô Thu Giang làm thư ký.

của Chính phủ cách mạng, trực tiếp phụ trách công tác xây dựng, củng cố chính quyền cũng từng bước trưởng thành, nhờ đó mà đã đóng góp quan trọng vào cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, xây dựng và củng cố vững chắc chính quyền cách mạng.

III- BỘ NỘI VỤ VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

Bên cạnh công tác chính là xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền cách mạng, cho đến trước ngày Toàn quốc kháng chiến, Bộ Nội vụ còn phải đảm trách rất nhiều công việc khác, đặc biệt là công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội. Theo cơ cấu tổ chức chính quyền thời kỳ đó chưa có Bộ Công an, ngành công an nằm trong Bộ Nội vụ, lúc đầu do Nha Liêm phóng, sau đổi thành Nha Công an phụ trách. Trong buổi đầu thành lập ngành công an, Bộ Nội vụ vừa sử dụng bộ máy Liêm phóng và cảnh sát cũ đi đôi với cải tổ và tập trung xây dựng tổ chức và lực lượng cán bộ mới. Ngày 24-9-1945, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp đã ký Nghị định cải tổ Ty Liêm phóng theo nguyên tắc của chế độ dân chủ cộng hoà. Đặc biệt là việc bổ dụng nhân viên phụ trách. Giám đốc Ty Liêm phóng phụ trách việc đệ trình lên Chính phủ một đề nghị về chương trình cải tổ các cơ quan của Ty và phải lựa chọn những nhân viên cũ cần mẫn, có hạnh kiểm xứng đáng và có sức khỏe để lưu lại làm việc. Còn các nhân viên khác thì sẽ cho thôi việc. Công tác an ninh trong buổi đầu, khi chính quyền cách mạng mới ra đời lại phải đấu tranh gay go quyết liệt chống ngoại xâm, nội phản, có một tầm quan trọng đặc biệt. Chính trong lĩnh vực công tác này Bộ Nội vụ cũng có nhiều đóng góp to lớn.

Trước hết là việc điều tra, khám phá và ngăn chặn kịp thời các hành động của các đảng phái phản động chống lại chế độ mới, làm phương hại đến nền độc lập tự do của Tổ quốc. Căn cứ kết quả điều tra của Ty Liêm phóng Bắc

Bộ, ngày 5-9-1945, thay mặt Chính phủ, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp đã ký Sắc lệnh số 08/SL giải tán “Đại Việt quốc gia xã hội đảng” và “Đại Việt quốc dân đảng” vì đã tư thông với người nước ngoài thực hiện âm mưu phá hoại nền độc lập quốc gia và nền kinh tế đất nước¹. Ngày 12-9-1945 Bộ trưởng Bộ Nội vụ lại thay mặt Chính phủ ký Sắc lệnh số 30/SL giải tán tổ chức “Việt Nam hưng quốc thanh niên hội” và “Việt Nam thanh niên ái quốc hội” vì hoạt động có phương hại đến lợi ích quốc gia². Cùng thời gian, Đồng lý Văn phòng Hoàng Minh Giám đã ký Thông tư quy định cách xử trí với những Pháp kiều: không khiêu khích, cần đối đãi ôn hoà, bảo vệ tính mạng tài sản của họ, tránh xung đột gây tổn hại đến tình hình trị an và ngoại giao của Chính phủ. Đồng thời phải đề phòng cẩn mật và sẵn sàng đối phó với mọi hành vi xâm phạm chủ quyền. Trước đó, ngày 5-9-1945, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã thừa uỷ quyền Chính phủ ký Sắc lệnh cấm dân chúng đi lính, bán thực phẩm hay làm tay sai cho Pháp.

Để bảo đảm tốt công tác trị an trong cả nước, Bộ Nội vụ thực thi nhiều sắc lệnh của Chính phủ, giao cho Ty Liêm phóng bắt những người nguy hiểm đến nền dân chủ, đưa đi an trí; thiết lập toà án quân sự xử tội phạm làm phương hại đến nền độc lập. Các toà án quân sự đã kịp thời xét xử bọn phản cách mạng... Cùng với nhiều hoạt động tích cực bảo vệ trật tự xã hội của ngành công an, thời kỳ này “... từ thành thị cho đến thôn quê, khắp các nơi không có một vụ trộm cắp nào xảy ra. Bãi bạc cũng tuyệt nhiên không có. Sở Liêm phóng chỉ phải lưu ý về những vụ án chính trị”³. Thành quả đạt được trước hết phải khẳng định từ việc tổ chức chặt chẽ hệ thống ngành công an vững mạnh từ Trung ương đến cơ sở, đồng thời phải kể đến sự tin tưởng, ủng hộ mạnh mẽ của quảng đại quần chúng nhân dân. Dựa chắc vào sự ủng hộ, giúp đỡ của

1, 2. Xem: *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 1, ngày 29-9-1945, tr. 6-7, 11

3. Bộ Nội vụ: Báo cáo những công việc Bộ Nội vụ và các cơ quan... *Tài liệu đã dẫn*, tr.5.

nhân dân là bí quyết thành công của công tác bảo vệ trị an, bảo vệ an ninh chính trị của ngành công an trong những ngày đầu của chính quyền cách mạng.

Ở Nam Bộ, uỷ viên công an xã đã được đặt ra ngay từ ngày đầu thành lập chính quyền cách mạng. Ngoài tổ chức công an, Bộ Nội vụ đã xây dựng được các đội cảnh vệ ở các tỉnh để bảo vệ các cơ quan, trại giam. Tăng cường và phát triển vai trò của các tổ chức tự vệ và du kích. Đến cuối 1945, lực lượng tự vệ được tổ chức trên cả nước. Đây chính là những công cụ đắc lực, giúp ích to lớn cho quá trình xây dựng chính quyền cách mạng trong thời kỳ non trẻ.

Kết quả mà ngành công an đạt được trong thời kỳ này quả thật rất to lớn, vừa từng bước đấu tranh kiên quyết và khôn khéo đập tan các âm mưu bắt cóc, ám sát cán bộ, gây bạo loạn lật đổ chính quyền của nhiều thế lực Việt gian phản động, được các thế lực ngoại xâm ủng hộ, vừa đóng vai trò nòng cốt trong việc vận động quần chúng xây dựng chính quyền, xây dựng cuộc sống mới, bài trừ các tệ nạn xã hội và chống tội phạm hình sự. Hệ thống chính quyền cách mạng mới thiết lập, không những các âm mưu bạo loạn của kẻ thù bị ngăn ngừa và đập tan, tiêu biểu là việc phá vụ án phố Ôn Như Hầu (12-7-1946), mà cả đến các tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự như nạn cờ bạc, trộm cắp, v.v. cũng bị tiêu trừ khá triệt để. Thắng lợi trong công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội thời kỳ này đã góp phần to lớn vào việc củng cố chính quyền cách mạng, nhất là khẳng định uy tín và tính ưu việt của chính quyền nhân dân.

Ngoài ra, Bộ Nội vụ còn phối hợp với nhiều Bộ khác của Chính phủ hoàn thành tốt nhiều nhiệm vụ khác của công cuộc nội trị, như cứu đói, phòng chống thiên tai, bình dân học vụ, thanh tra, giám sát, lập lại kỷ cương văn hoá - xã hội v.v.¹. Vai trò đặc biệt quan trọng và đóng góp to lớn của Bộ Nội vụ ở

các lĩnh vực nội trị này chính là ở *khía cạnh pháp chính của công tác*, tức là góp phần đưa các hoạt động của các cơ quan công quyền cách mạng từng bước vào nền nếp, dựa chắc trên một cơ sở pháp lý và quy trình hành chính chặt chẽ, hiệu quả. Có thể thống kê từ sau Cách mạng Tháng Tám đến trước ngày Toàn quốc kháng chiến, chỉ tính riêng sắc lệnh có tính chất pháp quy, được đăng công báo, Bộ Nội vụ đã trực tiếp nghiên cứu xây dựng hoặc tham gia xây dựng tất cả 146 sắc lệnh trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, không phải không có lúc, ở lĩnh vực này hoặc lĩnh vực khác, Bộ Nội vụ đã buộc phải ôm đồm, làm quá chức năng của mình, nhất là trong việc chỉ đạo hoạt động của các cấp chính quyền trung gian.

Cùng với các hoạt động xây dựng chế độ mới, Bộ Nội vụ đã góp công lớn vào công tác thông tin tuyên truyền. Vừa chịu trách nhiệm trong việc cấp phép xuất bản báo chí, vừa xây dựng Đài Tiếng nói Việt Nam, một công cụ quan trọng và cấp bách về mặt tuyên truyền đối nội và đối ngoại nhanh nhất, truyền bá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Bộ Nội vụ cùng với Bộ Thông tin đã nhận chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải xây dựng ngay Đài phát thanh quốc gia. Từ ngày ra đời (7-5-1945) đến nay, Đài Tiếng nói Việt Nam đã phản ánh kịp tình hình thời sự trong nước và quốc tế, làm cầu nối giữa Trung ương, Chính phủ tới các địa phương và đồng bào cả nước, giữa Việt Nam với thế giới. Đài Tiếng nói Việt Nam thực sự là cơ quan ngôn luận, góp phần tích cực vào công cuộc chống thù trong giặc ngoài, đưa chính quyền cách mạng vượt qua thử thách của buổi đầu khai sinh.

Có thể nói Bộ Nội vụ là đầu mối chính, phối hợp với các Bộ khác để xử lý các công việc nội trị, và do đó, có đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng trong những ngày tháng cực kỳ khó khăn này.

1. Bộ Nội vụ: Báo cáo những công việc Bộ Nội vụ và các cơ quan... *Tài liệu đã dẫn*, tr. 3-7.

Nhìn lại quá trình ra đời và hoạt động của Bộ Nội vụ trong thời gian từ sau Cách mạng Tháng Tám đến trước ngày Toàn quốc kháng chiến, bước đầu có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Đây là một thời kỳ lịch sử, tuy rất ngắn, nhưng lại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, ghi nhận thắng lợi vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân tộc trong cuộc vùng lên oanh liệt, quật cường, đánh dấu buổi sinh thành của một chế độ mới, của chính quyền dân chủ nhân dân và của ngành công tác xây dựng, tổ chức, điều hành chính quyền - nhà nước kiểu mới mà cơ quan phụ trách chính là Bộ Nội vụ.

Thắng lợi to lớn nhất của công tác nội trị, tổ chức xây dựng chính quyền và cũng là đóng góp quan trọng nhất của Bộ Nội vụ trong thời kỳ này chính là ở chỗ đã khẩn trương xây dựng, củng cố, bảo vệ thành công và phát huy tối đa công năng của hệ thống chính quyền cách mạng trong việc phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh xây dựng cuộc sống mới, chống lại các thế lực thù trong, giặc ngoài. Chính thắng lợi to lớn này đã góp phần tạo nên cơ sở vững chắc cho sự phát triển của chính quyền dân chủ nhân dân trong các giai đoạn sau này.